

240. Số trường và số giáo viên cao đẳng*Number of colleges and number of teachers in colleges*

	2010	2015	2016	2017	Sơ bộ Prel.2018
Số trường (Trường) - Number of schools (School)	2	2	2	4	4
Phân theo loại hình - By types of ownership					
Công lập - Public	2	2	2	4	4
Ngoài công lập - Non-public	-	-	-	-	-
Phân theo cấp quản lý - By management level					
Trung ương - Central	1	1	1	1	1
Địa phương - Local	1	1	1	3	3
Số giáo viên (Người) - Number of teachers	124	104	104	283	240
Phân theo giới tính - By sex					
Nam - Male	76	46	50	204	133
Nữ - Female	48	58	54	79	107
Phân theo loại hình - By types of ownership					
Công lập - Public	124	104	104	283	240
Ngoài công lập - Non-public	-	-	-	-	-
Phân theo cấp quản lý - By management level					
Trung ương - Central	78	48	48	83	59
Địa phương - Local	46	56	56	200	181
Phân theo trình độ chuyên môn - By					
Trên đại học - Postgraduate	22	56	36	118	114
Đại học, cao đẳng - University and College graduate	87	48	67	164	126
Trình độ khác - Other degree	15	-	1	1	-

241. Số sinh viên cao đẳng*Number of students in colleges*

ĐVT: Sinh viên - Unit: Person

	2010	2015	2016	2017	Sơ bộ Prel.2018
Số sinh viên - Number of students	4.488	1.483	1.462	1.862	1.083
Phân theo giới tính - By sex					
Nam - Male	2.102	376	422	422	364
Nữ - Female	2.386	1.107	1.040	1.440	719
Phân theo loại hình - By types of ownership					
Công lập - Public	4.488	1.483	1.462	1.862	1.083
Ngoài công lập - Non-public	-	-	-	-	-
Phân theo cấp quản lý - By management level					
Trung ương - Central	3.726	522	446	361	185
Địa phương - Local	762	961	1.016	1.501	898
Số sinh viên tuyển mới - Number of new	3.126	457	497	415	536
Phân theo loại hình - By types of ownership					

Công lập - <i>Public</i>	3.126	457	497	415	536
Ngoài công lập - <i>Non-public</i>	-	-	-	-	-
Phân theo cấp quản lý - <i>By management level</i>					
Trung ương - <i>Central</i>	2.944	277	269	96	151
Địa phương - <i>Local</i>	182	180	228	319	385
Số sinh viên tốt nghiệp - <i>Number of graduates</i>	2.764	488	537	638	318
Phân theo loại hình - <i>By types of ownership</i>					
Công lập - <i>Public</i>	2.764	488	537	638	318
Ngoài công lập - <i>Non-public</i>	-	-	-	-	-
Phân theo cấp quản lý - <i>By management level</i>					
Trung ương - <i>Central</i>	2.545	198	198	183	102
Địa phương - <i>Local</i>	219	290	339	455	216